

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: **196/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/11/2018

V/v tranh chấp "Chia tài sản sau ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Minh Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Yến Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 567/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Chia tài sản sau ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thanh M**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Số 170/17D Lý Thường K, phường sáu, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Số 391/QĐ tổ hai hai, ấp Bình T1, xã Trung A, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10/8/2018, biên bản hòa giải ngày 14/9/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thanh M trình bày:

Chị và anh T trước đây là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ P, huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang. Chị và anh T đã ly hôn theo quyết định số 184/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang. Trong quyết định có ghi, về tài sản chung: tự thỏa thuận, nhưng sau đó không thỏa thuận được. Tài sản chung của anh, chị gồm có: thửa đất số 446, tờ bản đồ số 39, diện tích 90,9m² tọa lạc tại địa chỉ: số 391/QĐ tổ 22, ấp Bình T1, xã Trung A, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang đã được Ủy ban nhân dân thành phố MT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH08089 ngày 31/7/2015 cho anh Phạm Văn T đứng tên. Nguồn gốc đất do cha mẹ chồng cho sau khi anh,

chị kết hôn. Trên đất có ngôi nhà tường kiên cố cất vào cuối năm 2015. Kết cấu nhà vách tường, mái tole, nền gạch bông có gác lửng. Nguồn tiền cất nhà là do anh T dành dụm mà có, còn chị ở nhà buôn bán nhỏ để lo cho chị và con, anh T không phải lo chi phí sinh hoạt cho chị và con. Từ tháng 10/2017 chị và con đã về nhà cha mẹ ruột chị sinh sống cho đến nay. Tổng giá trị tài sản chung chị tạm tính là: 354.530.000 đồng. Chị M yêu cầu được chia đôi tài sản trên và xin nhận bằng giá trị tài sản khoảng 177.265.000 đồng.

- Tại Bản giải trình tài sản ngày 14/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Anh không đồng ý theo yêu cầu của chị M vì nguồn gốc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 39, diện tích 90,9m² tọa lạc ấp Bình T1, xã Trung A, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang là do cha mẹ ruột anh cho riêng cá nhân anh vào năm 2015, hợp đồng tặng cho đã được công chứng đúng quy định pháp luật. Trên đất có 01 căn nhà, tiền cất nhà này do anh đi làm và tiết kiệm được trong thời gian trước khi kết hôn mà có và vào tháng 02/2016 anh đứng tên vay 60.000.000 đồng của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và Phát Triển Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang- Phòng giao dịch khu công nghiệp MT, thời hạn trả là 05 năm, vay có thể chấp tài sản là đất đang tranh chấp. Anh đã trả được ½ số tiền vay trên, còn ½ còn lại do chị M trả sau khi có quyết định thuận tình ly hôn. Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh đang giữ. Anh không đồng ý chia nhà, đất trên theo yêu cầu của chị M, chỉ đồng ý hỗ trợ cho chị M số tiền 50.000.000 đồng, thực hiện trong 05 năm, mỗi năm đưa 10.000.000 đồng, thời gian bắt đầu từ tháng 12/2018.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 17/10/2018 và tại Biên hòa giải ngày 05/11/2018 chị M xin rút lại phần yêu cầu chia đôi thửa đất số 446, tờ bản đồ số 39, diện tích 90,9m², tọa lạc tại số 391/QĐ tổ hai hai, ấp Bình T1, xã Trung A, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố MT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH08089 ngày 31/7/2015 cho anh Phạm Văn T đứng tên. Chị chỉ yêu cầu chia 1/2 giá trị căn nhà cất trên thửa đất số 446 nêu trên, chị xin nhận bằng giá trị theo biên bản định giá ngày 18/9/2018, nhưng chị đồng ý giảm giá trị căn nhà xuống 20.000.000 đồng so với giá Hội đồng định giá đã định.

- Anh T không đồng ý chia giá trị nhà theo yêu cầu của chị M, vì nguồn tiền cất nhà là của anh nên là tài sản riêng của anh.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Chị M rút yêu cầu chia 1/2 thửa đất số 446, tờ bản đồ số 39, diện tích 90,9m², tọa lạc tại số 391/QĐ tổ hai hai, ấp Bình T1, xã Trung A1, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố MT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH08089 ngày 31/7/2015 cho anh Phạm Văn T đứng tên, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của chị M về việc chia 1/2 giá trị thửa đất; Chị M yêu cầu chia 1/2 giá trị căn nhà trên đất, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 59 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết. Tại phiên tòa, chị M tự nguyện giảm giá trị căn nhà xuống 20.000.000 đồng

đề nghị ghi nhận. Anh T không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của chị M, nhưng anh T tự nguyện hỗ trợ cho chị M 50.000.000 đồng, thực hiện mỗi năm 10.000.000 đồng và đồng ý trả lại cho chị M số tiền 30.227.999 đồng do chị M đã trả nợ Ngân hàng. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phân trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Lê Thanh M với anh Phạm Văn T là tranh chấp “Chia tài sản sau ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố MT.

[2] Chị Lê Thanh M và anh Phạm Văn T đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 184/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2018.

[3] Xét yêu cầu của chị M:

[3.1] Chị M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia 1/2 giá trị thửa đất số 446, tờ bản đồ số 39, diện tích 90,9m², tọa lạc tại số 391/QĐ tổ hai hai, ấp Bình T1, xã Trung A, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố MT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH08089 ngày 31/7/2015 cho anh Phạm Văn T đứng tên. Xét thấy, việc rút yêu cầu nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị M về yêu cầu chia 1/2 giá trị thửa đất số 446, tờ bản đồ số 39, diện tích 90,9m², tọa lạc tại số 391/QĐ tổ hai hai, ấp Bình T1, xã Trung A, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

[3.2] Xét yêu cầu của chị M yêu cầu chia 1/2 giá trị căn nhà trên thửa đất số 446, tờ bản đồ số 39, diện tích 90,9m² (đo đạc thực tế 90,2m²), tọa lạc tại số 391/QĐ tổ hai hai, ấp Bình T1, xã Trung A, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang. Anh T không đồng ý chia và cho rằng nguồn tiền xây dựng căn nhà nêu trên là của anh dành dụm và vay ngân hàng để xây nhà, chị M không có đóng góp gì, anh chỉ đồng ý hỗ trợ cho chị M 50.000.000 đồng, mỗi năm đưa 10 triệu trong 05 năm và đồng ý hoàn trả lại số tiền 30.227.999 đồng do chị M đã trả nợ ngân hàng. Chị M không đồng ý.

- Xét, công sức đóng góp tạo lập khối tài sản chung và yêu cầu của các đương sự:

Về căn nhà: Anh T, chị M thống nhất nguồn tiền xây dựng nhà là do anh T đi làm dành dụm mà có và anh T đứng tên vay 60.000.000 đồng của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang - Phòng giao dịch khu công nghiệp MT. Số tiền vay này anh T đã trả được 1/2, phần còn lại sau khi có Quyết định thuận tình ly hôn chị M đã trả nợ cho Ngân hàng 30.227.999 đồng vào ngày 03/8/2018 (bút lục 10). Chị M trình bày chị cũng có công sức đóng góp vào khối tài sản chung là giá trị căn nhà (giá trị xây dựng). Tại phiên tòa chị M, anh T thừa nhận căn nhà xây dựng vào năm 2015 trong thời kỳ hôn nhân (nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu). Sau khi kết hôn anh T đi làm, còn chị M ở nhà buôn bán nhỏ, chăm lo cho gia đình và con chung của anh, chị. Như vậy, lao động của chị M trong gia đình được coi như lao động có thu nhập. Anh T

trình bày nguồn tiền cất nhà có một phần của anh dành dụm trước khi kết hôn, nhưng anh không có chứng cứ chứng minh để nộp cho Tòa án, nên xác định căn nhà cất trên thửa đất số 446, tờ bản đồ số 39, diện tích 90,9m² (đo đạc thực tế 90,2m²) tọa lạc số 391/QĐ ấp Bình T1, xã Trung A, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố MT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH08089 ngày 31/7/2015 cho anh Phạm Văn T đứng tên là tài sản chung của anh T, chị M. Chị M trình bày chị đang nuôi dưỡng cháu Phạm M Ngọc, sinh ngày 14/5/2016, hiện nay chị không có nhà ở, nên chị và cháu Ngọc sinh sống nhờ trong căn nhà của cha mẹ ruột của chị. Do đó, yêu cầu của chị M yêu cầu chia 1/2 giá trị căn nhà là có cơ sở phù hợp với Điều 29, Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 213, Điều 219 Bộ luật dân sự, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào Biên bản định giá tài sản ngày 18/9/2018 của Hội đồng định giá thì giá trị căn nhà cất trên thửa đất số 446, tờ bản đồ 39, diện tích 90,9m² (đo đạc thực tế 90,2m²), tại số 391/QĐ tổ hai hai, ấp Bình T1, xã Trung A, thành phố MT, Tiền Giang có giá trị 386.844.128 đồng (trong đó giá trị nhà chính 257.074.560 đồng, gác 127.008.768 đồng, nền sân xi măng 2.760.800 đồng). Tại tòa anh T không đồng ý giá trị căn nhà do Hội đồng định giá định ngày 18/9/2018, anh T cho rằng Hội đồng định giá quá cao, nhưng anh không yêu cầu định giá lại, anh cũng không đồng ý tự đi yêu cầu các cơ quan có chức năng thẩm định giá để nộp kết quả về giá trị căn nhà cho Tòa. Chị M tự nguyện giảm giá trị căn nhà xuống 20.000.000 đồng so với giá Hội đồng định giá đã định. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Căn nhà có giá trị 386.844.128 đồng - 20.000.000 đồng = 366.844.128 đồng, nên giá trị 1/2 căn nhà là 183.422.064 đồng. Như nhận định ở trên, xét cần chia cho anh T căn nhà hiện anh đang quản lý, nhà có kết cấu theo biên bản định giá ngày 18/9/2018: Móng cột bê tông, vách tường, mái tole, nền gạch, trần Prima, khung nổi, gác bê tông mỏng, lót gạch, xây dựng trên thửa đất số 446, tờ bản đồ 39, diện tích 90,9m² (đo đạc thực tế 90,2m²), tại số 391/QĐ tổ 22 ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố MT, Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố MT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH08089 ngày 31/7/2015 cho anh Phạm Văn T đứng tên. Anh T có trách nhiệm hoàn lại cho chị M số tiền 183.422.064 đồng (trị giá 1/2 căn nhà).

[4] Về chi phí tố tụng: Chị M tự nguyện chịu chi phí thẩm định, định giá, đo đạc, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về lỗi suất chậm thi hành án: Chị M, anh T không có thỏa thuận được, nên cần áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị M phải chịu 9.171.103 đồng án phí chia tài sản với mức thu (183.422.064 đồng x 5%), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 4.430.000 đồng theo biên lai thu số 0013001 ngày 17/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành

phố MT, tỉnh Tiền Giang, nên chị M còn phải nộp 4.741.103 đồng. Anh T phải chịu 9.171.103 đồng án phí chia tài sản.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 29, Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213, 219 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Lê Thanh M về việc yêu cầu chia 1/2 giá trị thửa đất số 446, tờ bản đồ số 39, diện tích 90,9m², tọa lạc tại số 391/QĐ tổ hai hai, ấp Bình T1, xã Trung A, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố MT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH08089 ngày 31/7/2015 cho anh Phạm Văn T đứng tên.

2. Xác định căn nhà cất trên thửa đất số 446, tờ bản đồ số 39, diện tích 90,9m² (đo đạc thực tế 90,2m²), tọa lạc tại số 391/QĐ tổ hai hai, ấp Bình T1, xã Trung A, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố MT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH08089 ngày 31/7/2015 cho anh Phạm Văn T đứng tên là tài sản chung của anh Phạm Văn T và chị Lê Thanh M. Căn nhà có tổng giá trị là 366.844.128 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn một trăm hai mươi tám đồng).

3. Chia cho anh Phạm Văn T căn nhà hiện anh đang quản lý, nhà có kết cấu: Móng cột bê tông, vách tường, mái tole, nền gạch, trần Prima, khung nổi, gác bê tông mỏng, lát gạch, xây dựng trên thửa đất số 446, tờ bản đồ số 39, diện tích 90,9m² (đo đạc thực tế 90,2m²), tọa lạc tại số 391/QĐ tổ hai hai, ấp Bình T1, xã Trung A, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố MT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH08089 ngày 31/7/2015 cho anh Phạm Văn T đứng tên. Buộc anh Phạm Văn T có trách nhiệm hoàn lại cho chị Lê Thanh M giá trị 1/2 căn nhà với số tiền 183.422.064 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn không trăm sáu mươi bốn đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Chị Lê Thanh M phải chịu 9.171.103 đồng án phí chia tài sản, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 4.430.000 đồng theo biên lai thu số 0013001 ngày 17/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, nên chị M còn phải nộp 4.741.103 đồng (bốn triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn một trăm lẻ ba đồng).

Anh Phạm Văn T phải chịu 9.171.103 đồng (Chín triệu một trăm bảy mươi một ngàn một trăm lẻ ba đồng) án phí chia tài sản.

Chị Lê Thanh M, anh Phạm Văn T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố MT;
- Chi cục THADS TP.MT;
- Các đương sự:
 - + Chị Lê Thanh M;
 - + Anh Phạm Văn T;
- Lưu hồ sơ vụ án-s.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Sang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Sang